

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2025
V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân

Các hội thẩm nhân dân gồm có:

1. Ông Trần Tiến Dũng

2. Ông Lưu Văn Toan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2025/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc “Không công nhận vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXX-ST, ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1979; trú tại: Thôn 4 (nay là Buôn Đoàn K), xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. *Bị đơn:* Ông Trần Trọng Ph, sinh năm 1973; trú tại: Thôn 4 (nay là Buôn Đoàn K), xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2025, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H chung sống với ông Trần Trọng Ph vào năm 1996 như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống ông Ph thường

đánh đập và lăng mạ bà H, hiện nay hai người đã sống ly thân, quá trình chung sống với nhau không hạnh phúc. Nên bà H yêu cầu giải quyết không công nhận bà H và ông Ph là vợ chồng.

Về con chung: Bà H và ông Ph có 03 người con chung là Trần Thị Phương A, sinh năm 1999, Trần Trọng Hoàng A, sinh năm 2001 và Trần Thị Anh Th, sinh năm 2009. Nay bà H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trần Thị Anh Th đến khi trưởng thành; còn Trần Thị Phương A và Trần Trọng Hoàng A đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết

Về cấp dưỡng: Bà H và ông Ph tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông Ph tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Trần Trọng Ph trình bày:

Về hôn nhân: Ông Ph và bà H chung sống với nhau vào năm 1997 như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống thỉnh thoảng có cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống. Nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà H và ông Ph là vợ chồng thì ông Ph chưa đồng ý.

Về con chung: Ông Ph và bà H có 03 người con chung là Trần Thị Phương A, sinh năm 1999, Trần Trọng Hoàng A, sinh năm 2001 và Trần Thị Anh Th, sinh năm 2009. Hiện Trần Thị Phương A và Trần Trọng Hoàng A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; còn cháu Trần Thị Anh Th có nguyện vọng ở với ai thì theo nguyện vọng của cháu, ông Ph không có ý kiến gì.

Về cấp dưỡng: Ông Ph và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Ph và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị H và ông Trần Trọng Ph là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Anh Th, sinh ngày 17/5/2009 cho bà Phạm Thị H chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; còn Trần Thị Phương A, sinh năm 1999 và Trần Trọng Hoàng A, sinh năm 2001 hiện đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về cấp dưỡng: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về chia tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Ngoài ra, bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tổ tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Bà Phạm Thị H và ông Trần Trọng Ph chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định. Nay bà Phạm Thị H yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng với ông Trần Trọng Ph. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp là “Không công nhận vợ chồng” được quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Trọng Ph cư trú tại Buôn Đoàn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Trần Trọng Ph chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống bà H và ông Ph có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, ông Ph có đánh đập bà H, hiện nay hai người không còn sống chung với nhau. Do bà H và ông Ph chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Ph không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà H và ông Ph là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Trần Trọng Ph có 03 người con chung là Trần Thị Phương A, sinh năm 1999, Trần Trọng Hoàng A, sinh năm 2001 và Trần Thị Anh Th, sinh năm 2009. Nay bà H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trần Thị Anh Th đến khi trưởng thành, đồng thời cháu Thư cũng có nguyện vọng được ở với bà H và ông Ph cũng đồng ý theo nguyện vọng của cháu Th. Do đó, cần giao cháu Trần Thị Anh Th, sinh năm 2009 cho bà Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Còn Trần Thị Phương A và Trần Trọng Hoàng A đã trưởng thành nên không xem xét.

[3.3]. Về cấp dưỡng: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[3.4]. Về chia tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc “Không công nhận vợ chồng” với ông Trần Trọng Ph.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị H với ông Trần Trọng Ph là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Anh Th, sinh ngày 17/5/2009 cho bà Phạm Thị H chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; còn Trần Thị Phương A, sinh năm 1999, Trần Trọng Hoàng A, sinh năm 2001 đã trưởng thành, nên không xem xét.

Về cấp dưỡng: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con chung ông Trần Trọng Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về chia tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002795, ngày 22/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Thi hành án huyện Ea H'leo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Năng Quân